

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 72/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23/06/2025

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tài Em.

2. Ông Võ Tấn Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 06 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về “*Tranh chấp ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXX- ST ngày 20 tháng 05 năm 2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** - Chị Trần Thị Huyền T, sinh năm: 1983 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Mới, xã Vĩnh Thịnh, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

*** Bị đơn:** - Anh Trịnh Văn Đ, sinh năm: 1983 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Mới, xã Vĩnh Thịnh, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Trần Thị Huyền T trình bày: Chị và anh Trịnh Văn Đ xây dựng hôn nhân vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hai vợ chồng có 02 người con chung tên Trịnh Mỹ Yến, sinh ngày: 24/10/2024 và Trịnh Hoàng Phát, sinh ngày 09/06/2017 hiện tại đang sống với chị. Hai vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, hiện tại hai vợ chồng chị đã sống ly thân với nhau từ nhiều năm nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Văn Đ, yêu cầu tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh Trịnh Văn Đ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không có nên không yêu cầu.

* Đối với bị đơn anh Trịnh Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến

Ý kiến của kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Trần Thị Huyền T và anh Trịnh Văn Đ là vợ chồng; Về con chung: Giao các cháu Trịnh Mỹ Yến, sinh ngày: 24/10/2024 và Trịnh Hoàng Phát, sinh ngày 09/06/2017 cho chị Trần Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trịnh Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Trần Thị Huyền T không yêu cầu; Về án phí chị Trần Thị Huyền T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là chị Trần Thị Huyền T và anh Trịnh Văn Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Huyền T và anh Trịnh Văn Đ tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2013, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình: “Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý” và khoản 1 Điều 14 “Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng” và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chị sống không hợp nhau, do anh Đ thường xuyên nhậu nhẹt, hành hung chị, nay chị T xác định vợ chồng chị không còn tình cảm với nhau nữa, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh Đ nhưng anh Đ không đến Tòa để làm việc và cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm với chị T. Xét thấy, vợ chồng phải biết, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng chị không biết tôn trọng nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc mà thường xuyên cãi nhau và hiện tại không còn chung sống với nhau và cũng không có liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng; điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị đã có xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Huyền T và anh Trịnh Văn Đ là vợ chồng.

[2.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống chị Trần Thị Huyền T và anh Trịnh Văn Đ có hai người con chung tên Trịnh Mỹ Yến, sinh ngày: 24/10/2024 và Trịnh Hoàng Phát, sinh ngày 09/06/2017 hiện tại đang sống với anh Trịnh Văn Đ. Khi ly hôn chị Trần Thị Huyền T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Mỹ Yến và cháu Trịnh Hoàng Phát, về cấp dưỡng chị Trần Thị Huyền T không yêu cầu anh Trịnh Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân chị Trần Thị Huyền T yêu cầu ly hôn là do anh Đ thường xuyên nhậu nhẹt đánh đập chị nên chị đã bỏ nhà đi; Xét thấy việc chị T bỏ con đi là việc ngoài ý muốn của chị; Mặt khác cháu Trịnh Mỹ Yến là con gái và cháu Trịnh Hoàng Phát còn nhỏ, anh Đ lại thường xuyên nhậu nhẹt, nên thấy việc giao hai cháu Yến và cháu Phát cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo về sự ổn định về tâm lý cũng như sự phát triển bình thường của hai cháu trong khi anh Trịnh Văn Đ cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Huyền T, giao các cháu Trịnh Mỹ Yến, sinh ngày: 24/10/2024 và Trịnh Hoàng Phát, sinh ngày 09/06/2017 cho chị Trần Thị Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trịnh Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Huyền T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Trần Thị Huyền T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị Trần Thị Huyền T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[4] *Đối với phần đề nghị của Viện Kiểm sát*: Đề nghị của Viện Kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 53; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Huyền T và anh Trịnh Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao các cháu Trịnh Mỹ Yến, sinh ngày: 24/10/2024 và Trịnh Hoàng Phát, sinh ngày 09/06/2017 cho chị Trần Thị Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trịnh Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi

con vì chị Trần Thị Huyền T không yêu cầu; Anh Trịnh Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Tài sản chung, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Chị Trần Thị Huyền T phải chịu là 300.000 đồng. Chị Trần Thị Huyền T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005852 ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Nam